



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision : /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng năm 2026 của giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia /
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Phòng Kiểm nghiệm Chất lượng nước và Môi trường**
Laboratory: **Water and Environment Quality Analyses Laboratory**

Tổ chức /Cơ quan chủ quản: **Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn**
Organization: **National Centre for Rural Water Supply and Environmental Sanitation**

Số hiệu/ Code: **VILAS 659**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Sinh, Hoá**
Field: **Biological, Chemical**

Người quản lý: **Hà Thị Thu Hiền**
Laboratory manager: **Ha Thi Thu Hien**

Hiệu lực công nhận: period of
Validation: **Kể từ ngày / / 2026 đến ngày / / 2031**

Địa chỉ: **Số 73 Nguyễn Hồng, Phường Láng, thành phố Hà Nội**
Address: **No 73, Nguyen Hong street, Lang Ward, Ha Noi City**

Địa điểm: **Ngõ 3 Cầu Bươu, Phường Thanh Liệt, thành phố Hà Nội**
Location: **Alley 3 Cau Buou, Thanh Liet Ward, Ha Noi City**

Điện thoại/ Tel: **84 24 38355964**

Email: **Knncewass@gmail.com; hienht.ns@mard.gov.vn**

Website: **http://quawaco.com.vn**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 659****Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa***Field of testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Xác định pH <i>Determination of pH value</i>	2 ~ 12	TCVN 6492:2011
2.		Xác định hàm lượng tổng Canxi và Magiê Phương pháp chuẩn độ EDTA <i>Determination of the sum of Calcium and magnesium content</i> <i>EDTA titrimetric method</i>	5,0 mg/L	TCVN 6224:1996
3.		Xác định hàm lượng Florua Phương pháp SPADNS <i>Determination of Fluoride content</i> <i>SPADNS method</i>	0,1 mg/L	SMEWW 4500-F,D: 2023
4.		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ Bạc Nitrat với chỉ thị cromat - phương pháp MO <i>Determination of Chloride content</i> <i>Silver nitrate titration</i> <i>Chromate indicator by Mohr's method</i>	5,0 mg/L	TCVN 6194:1996

Ghi chú/ Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese Standard*
- SMEWW: Phương pháp tiêu chuẩn phân tích nước và nước thải/*Standard Methods for the Examination of Water and Wastewater*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN*LIST OF ACCREDITED TESTS***VILAS 659****Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh***Field of testing: Biological*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Nước sạch <i>Domestic water</i>	Định lượng <i>Escherichia coli</i> Phương pháp lọc màng <i>Enumeration of Escherichia coli</i> <i>Membrane filtration method</i>		TCVN 6187-1: 2019 (ISO 9308-1:2014)
2.		Định lượng vi khuẩn Coliform Phương pháp lọc màng <i>Enumeration of Coliform bacteria</i> <i>Membrane filtration method</i>		

Chú thích/Note:

- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ *Vietnamese Standard*
- ISO: Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế/ *International Organization for Standardization*

Trường hợp Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Trung tâm Quốc gia Nước sạch và Vệ sinh Môi trường Nông thôn phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for National Centre for Rural Water Supply and Environmental Sanitation that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

